

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 324/2022/TLST–HNGĐ ngày 18-11-2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09-01-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Phan Thị N** – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 07, xã Mường L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Chu Minh Q** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 07, xã Mường L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-11-2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Phan Thị Ngọc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Chu Minh Q kết hôn vào ngày 09-11-2009 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mường L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và có hành vi bạo lực gia đình. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh Q có 02 con chung Chu Thanh H, sinh ngày 19-7-2009 và Chu Nam Q, sinh ngày 01-11-2014. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai bị đơn Chu Minh Q nhất trí về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn với nội dung như chị N trình bày. Quá trình chung sống thực tế có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, do anh đi làm trong công ty nên chị Ngọc có ghen tuông vô cớ. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, anh xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Khi ly hôn, anh có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Chu Minh Q, về con chung: giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Chu Nam Q, giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Chu Thanh H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Phan Thị N và anh Chu Minh Q kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2009 ngày 09-11-2009. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thừa nhận quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của các đương sự là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại Thôn 07, xã Mường L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ngọc vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị N và anh Q có 02 con chung Chu Thanh H, sinh ngày 19-7-2009 và Chu Nam Q, sinh ngày 01-11-2014. Hiện đang sinh sống và học tập ổn định cùng mẹ tại thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai. Các con chung đều có nguyện vọng ở cùng mẹ.

Theo quy định tại Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên...”*

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Chu Nam Quốc cho chị N, giao con Chu Thanh H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: chị Phan Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị N được ly hôn với anh Chu Minh Q.

2. Về con chung: giao cho chị Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chu Nam Q, sinh ngày 01-11-2014; giao cho anh Chu Minh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chu Thanh H, sinh ngày 19-7-2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Phan Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003366 ngày 18-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trở hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA